TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THỚI LAI** **THÀNH PHỐ CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2024/HNGĐ-ST
Ngày 20/02/2024
V/v "Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỚI LAI, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Giúp Đở

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phan Tấn Lạc

Ông Lý Hồng Hạnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Tiên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thới Lai, thành phố Cần Thơ.

Ngày 20 tháng 02 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thới Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 228/2023/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 11 năm 2023 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2024/QĐXXST-HN ngày 09 tháng 01 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 50/2024/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 01 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1990 (có mặt)

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện T, thành phố Cần Thơ.

Bị đơn: Bà **L Phạm Hương N**, sinh năm 2000 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện T, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 24/5/2023 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Nguyễn Văn T trình bày:

Ông và bà L Phạm Hương N tự nguyện tiến tới hôn nhân năm 2016, đến năm 2018 đăng ký kết hôn và đã được UBND xã T, huyện T, thành phố Cần Thơ cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 21/11/2018. Quá trình chung sống hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cự cãi những chuyện nhỏ nhặt trong gia đình và tiền bạc. Ngoài ra, bà N cũng không quan tâm chăm lo cuộc sống chung trong gia đình và mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên cả hai sống ly thân từ năm 2020 cho đến nay. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn và không thể hàn gắn được nữa nên ông yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Lại Phạm Hương N1.

Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Thành P (nam), sinh ngày 03/10/2016. Hiện nay ông là người trực tiếp nuôi dưỡng nên ông yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu bà N1 phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông xác định không có.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu được ly hôn với bà N1 và yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu bà N1 phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung nguyên đơn xác định không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Căn cứ vào yêu cầu của đương sự và nơi cư trú của bị đơn thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án án nhân dân huyện Thới Lai theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không lý do nên Tòa án căn cứ Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Xét yêu cầu ly hôn của nguyên đơn: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ và lời trình bày của đương sự tại tại phiên tòa cho thấy, hôn nhân giữa ông T và bà N1 là do tự nguyện nên khi về chung sống ông, bà cũng đã có thời gian hạnh phúc đến năm 2020 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cự cãi những chuyện nhỏ nhặt trong gia đình. Hơn nữa ông, bà cũng đã có thời gian dài sống ly thân từ năm 2020 cho đến nay nhưng vẫn không tìm ra biện pháp để hàn gắn. Mặc dù, đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng bà N1 vẫn không đến Tòa án để trình bày ý kiến của ông như thế nào đối với yêu cầu ly hôn của ông T. Điều đó cho thấy bà N1 đã mặc nhiên thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn và bà cũng không mong muốn được hàn gắn tình cảm vợ chồng. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn của ông, bà đã thật sự trầm trọng, không thể hàn gắn được nữa, nếu có kéo dài cũng không mang lại hạnh phúc cho cả hai nên yêu cầu ly hôn của ông T đối với bà N1 là có cơ sở chấp nhận.

[3] Về con chung: Ông, bà có 01 con chung tên Nguyễn Thành P (nam), sinh ngày 03/10/2016. Hiện nay ông T là người trực tiếp nuôi dưỡng và để bảo đảm sự ổn định, tránh làm xáo trộn cuộc sống của cháu nên tiếp tục giao con chung cho ông T nuôi dưỡng là phù hợp. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con, do đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Ông T xác định không có nên không xem xét, nếu sau này có phát tranh chấp và có đơn kiện sẽ giải quyết thành vụ kiện khác.

[5] Về án phí hôn nhân: Nguyên đơn phải chịu theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147 và Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Toà án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Nguyễn Văn T đối với bà Lại Phạm Hương N1.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thành P (nam), sinh ngày 03/10/2016 cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng, bà N1 không phải cấp dưỡng nuôi con. Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho bà N1 không ai được quyền ngăn cản. Để bảo đảm quyền lợi của trẻ, theo yêu cầu của một hoặc hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Ông T xác định không có nên không xem xét, nếu sau này có phát tranh chấp và có đơn kiện sẽ giải quyết thành vụ kiện khác.

4. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: 300.000đồng, ông T phải chịu. Ông T được khấu trừ tiền tạm ứng án phí 300.000đồng đã nộp theo biên lai thu số 0007315 ngày 13/11/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thới Lai, thành phố Cần Thơ thành án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- TAND TP. Cần Thơ;
- VKSND H. Thới Lai;
- THADS H. Thới Lai;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hồ Giúp Đở